

MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	2
1. Thông tin khái quát	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
5. Định hướng phát triển	6
6. Các rủi ro.....	6
II. Tình hình hoạt động trong năm	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8
2. Tổ chức và nhân sự	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	9
4. Tình hình tài chính	9
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	10
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	10
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	12
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
2. Tình hình tài chính	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	20
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.	20
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	21
IV. Báo cáo tài chính	21
1. Ý kiến kiểm toán	21
2. Báo cáo kiểm toán.....	21

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH VIỆT NAM**
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **NH SECURITIES VIET NAM CO., LTD.**
- Tên viết tắt: **NHSV**
- Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 124/GP- UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/04/2018
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2019): 735,000,000,000 đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 735,000,000,000 đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm tỷ đồng*)
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9 Tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, Phường Công Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024.39413369 Fax: 024.39410248
- E-mail: Support@nhsv.vn
- Website: nhsv.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Quá trình hình thành

• Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biên Việt) được thành lập ngày 18 tháng 12 năm 2006, theo giấy phép kinh doanh số 0103015053 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK – GPHĐKD ngày 28/12/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 25,000,000,000 VNĐ.

• Theo Quyết định số 47/QĐ – UBCK ngày 06/02/2009, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1,715,000 cổ phần (tương ứng 12.7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài – Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

• Theo Quyết định số 522/QĐ – UBCK ngày 19/08/2009, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4,900,000 cổ phần (tương ứng 36.3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài – Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

- Ngày 30/11/2009, Công ty Cổ phần chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK – GP của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Theo quyết định số 978/QĐ-UBCK ngày 20/10/2017, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 6,365,350 cổ phần (tương ứng 47.15% vốn điều lệ) cho Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH (thành lập tại Hàn Quốc).

- Ngày 02/12/2017, các cổ đông nắm giữ 3.85% cổ phần của công ty đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH (thành lập tại Hàn Quốc).

- Ngày 13/04/2018, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ký giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 124/GP-UBCK về việc đổi tên Công ty thành Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam, tên nước ngoài là NH SECURITIES VIET NAM CO., LTD, tên viết tắt là NHSV.

❖ Quá trình phát triển

- Năm 2006, Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (Woori CBV) tham gia Hiệp Hội Kinh doanh Chứng khoán Quốc Tế ISITC-IOA và là thành viên đầu tiên của Hiệp hội này tại Việt Nam.

- Năm 2007, Woori CBV cho ra đời Bộ chỉ số CBV – Index. Đây là Bộ chỉ số đầu tiên và lớn nhất về thị trường tài chính tại Việt Nam.

- Từ năm 2008, Woori CBV đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 (Chứng nhận bởi tổ chức quốc tế Bureau Veritas – UKAS của Vương Quốc Anh).

- Tháng 05/2010, Woori CBV bắt đầu triển khai giao dịch chứng khoán trực tuyến trên hệ thống phần mềm mới – Mug Café. Đây là hệ thống giao dịch trực tuyến được nhập khẩu hoàn toàn từ Hàn Quốc; tích hợp hệ thống công nghệ thông tin liên hoàn từ giao dịch mua bán, dịch vụ tài chính, kiểm soát phí đến các hoạt động xử lý sau giao dịch và kế toán cuối cùng.

- Tháng 12/2010, Woori CBV giới thiệu dịch vụ mới: quản lý sổ cổ đông trực tuyến dành cho các tổ chức phát hành và cổ đông.

- Tháng 04/2011, Woori CBV là 01 (một) trong 03 (ba) công ty Chứng khoán được trao tặng danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2010.

- Tháng 03/2013, Woori CBV là công ty chứng khoán duy nhất được trao tặng giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2012.

- Tháng 3/2014, Woori CBV là một trong những công ty chứng khoán được trao tặng danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam 2013.

- Ngày 07/02/2018, Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ký quyết định số 128/QĐ-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty cổ phần chứng khoán Woori CBV chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Tháng 04/2018, Công ty chính thức tăng vốn điều lệ lên 735,000,000,000 VNĐ.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

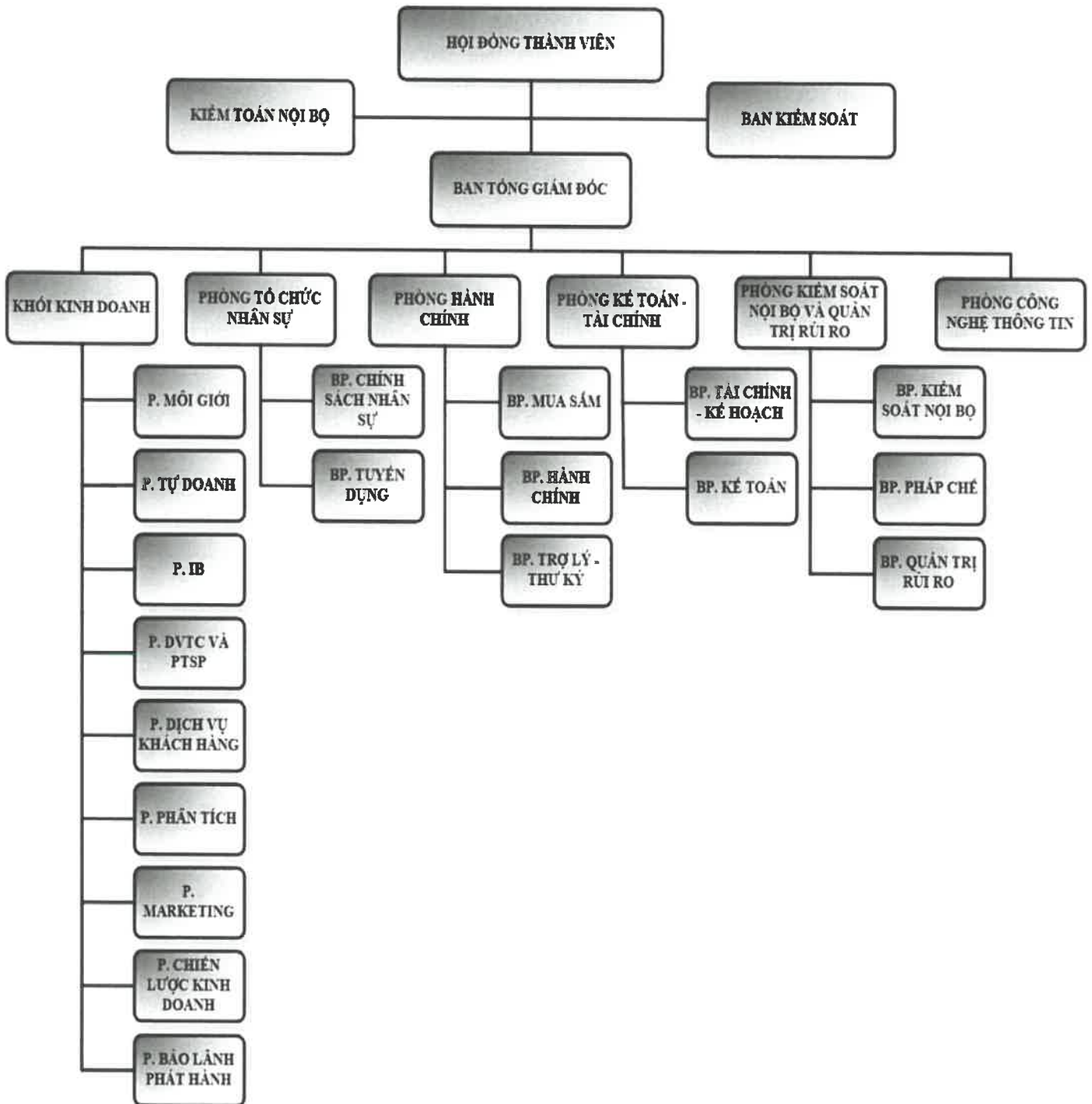
❖ Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn và đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

❖ Địa bàn kinh doanh: Trên lãnh thổ Việt Nam.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

❖ Mô hình quản trị



- Hội đồng thành viên (HĐTV):** Nhân danh Chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty, trừ các trường hợp pháp luật và Điều lệ công ty quy định phải được Chủ sở hữu công ty chấp thuận; nhân danh công ty thực hiện các quyền của Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Handwritten signature

- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc HĐQT có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động điều hành kinh doanh, báo cáo tài chính của NHSV. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (BTGD).

- **Ban Tổng Giám đốc:** Công ty TNHH Chứng khoán NH Việt Nam được điều hành bởi Ban Tổng giám đốc gồm: 01 Tổng Giám Đốc và 01 Phó Tổng Giám Đốc. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm điều hành các công việc hàng ngày của NHSV và chịu trách nhiệm trước HĐQT về các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc là người trợ giúp cho Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và chủ động giải quyết các công việc được Tổng giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của NHSV.

- Hiện tại công ty có 01 Hội sở chính tại Hà Nội và 01 chi nhánh tại TP.HCM được chia thành 01 Khối, 13 Phòng, 10 Bộ phận.

5. Định hướng phát triển

❖ Mục tiêu

NHSV định hướng chiến lược trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực 1) Dịch vụ ngân hàng đầu tư (Investment Banking) và 2) Dịch vụ môi giới bán lẻ trên nền tảng hệ thống công nghệ hiện đại, chuyên nghiệp có kiểm soát chặt chẽ về chất lượng và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên dịch vụ, song song với việc cung cấp dịch vụ phân tích chứng khoán và các dịch vụ khác, luôn giữ vững là đối tác hàng đầu tại Việt Nam của các tổ chức tài chính quốc tế.

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đưa NHSV trở thành công ty chứng khoán lớn nhất Việt nam, sánh vai với các tập đoàn tài chính hàng đầu trên thế giới. Công ty luôn trân trọng giá trị đích thực – tài sản quý giá nhất của công ty đó là con người. Công ty luôn coi lợi ích của khách hàng là ưu tiên hàng đầu; liên tục cải tiến hoạt động trên nhiều phương diện, nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng tư vấn, dịch vụ với đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong ngành.

❖ Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, tham gia xây các hoạt động từ thiện nhằm chung tay góp sức xây dựng cộng đồng xanh.

6. Các rủi ro

Các rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: 1) Rủi ro thị trường, 2) Rủi ro thanh toán, 3) Rủi ro thanh khoản, 4) Rủi ro hoạt động và 5) Rủi ro pháp lý, trong đó:

- **Rủi ro thị trường:** là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi, ví dụ như sự giảm giá chứng khoán. Trong rủi ro thị trường, Công ty chịu ảnh hưởng bởi rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá cổ phần. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản hợp tác kinh doanh, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc tiền tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty. Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

- **Rủi ro thanh toán:** là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Công ty có rủi ro thanh toán chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam, rủi ro thanh toán từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty.

- **Rủi ro thanh khoản:** là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

- **Rủi ro hoạt động:** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

- **Rủi ro pháp lý:** là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Ý thức được sự nhạy cảm và mức độ rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, NHSV đã xây dựng dựng một hệ thống quản trị rủi ro bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh, một cơ chế vận hành thống nhất bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý được các loại rủi ro có thể gặp phải nói trên.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 có thể coi là năm lợi ngược dòng của NHSV, từ việc hoạt động kinh doanh thua lỗ của các năm 2018 trở về trước, Công ty đã có những bước tiến dài trong việc cải tổ lại các vấn đề còn tồn đọng và triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh.

Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động và thu nhập khác đạt 93,341,421,178 VNĐ, tăng trưởng 250% so với năm 2018, Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 2,058,370,309 VNĐ, tăng trưởng 119.7 % so với năm 2018. Tổng tài sản tăng trưởng mạnh mẽ, ở mức 1,872 tỷ VNĐ, tăng trưởng 168.5% so với năm 2018. Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc đẩy mạnh các hoạt động đầu tư vào tài sản tài chính và hoạt động cho vay ký quỹ. Vốn chủ sở hữu đạt 697,369,519,189 VNĐ.

Cơ cấu tài chính lành mạnh với dư nợ ngân hàng cao nhưng đối ứng với số dư tiền và các khoản đầu tư tăng tương ứng. Chi phí vận hành được kiểm soát chặt chẽ.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách ban điều hành

STT	Họ và Tên	CMND/Hộ chiếu	Địa chỉ	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm	Ghi chú
1	Jin Woo Hyun	M53732736	5104 Khu căn hộ dịch vụ Calidas, Tòa Nhà Keangnam, 72 Mễ Trì Từ Liêm, Hà Nội	Tổng Giám Đốc	Từ 01/01/2019 đến 04/03/2019	Cử nhân Quản trị kinh doanh/ cơ khí điện tử Đại học Ngoại ngữ Hankuk, Hàn Quốc
2	Moon Young Tae	M05296964	5956 Khu Căn hộ Lotte Center, 54 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	Tổng Giám Đốc	Từ 04/03/2019 đến 31/12/2019	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – University of Wisconsin, Milwaukee
3	Nguyễn Văn Quang	012532388	140 Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Trung, Hà Nội	Quyền Phó Tổng Giám đốc	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học James Cook, Úc

❖ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Tính đến ngày 31/12/2019, Số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là 49 người.

- Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành; phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, luôn quan tâm chăm sóc động viên cán bộ nhân viên khi đau ốm và trong một số trường hợp đặc biệt.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Trong năm 2019, Công ty tập trung giải ngân với tỷ trọng khá lớn đầu tư vào các sản phẩm tài chính ngắn hạn ít rủi ro và không đầu tư vào tài sản tài chính dài hạn. Đến thời điểm 31/12/2019, số dư hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn là 1,462,500,000,000 VNĐ.

- Tình hình triển khai dự án mới: Phần mềm OMS, cổng giao kết nối dịch chứng khoán với cổng Bloomberg dành cho nhà đầu tư nước ngoài giao dịch trực tiếp ngoài lãnh thổ Việt Nam. Chi phí phần mềm khoảng 1,674,000,000 VNĐ.

4. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	697,373,008,103	1,872,082,787,593	168.45%
Doanh thu thuần	26,558,290,579	92,013,977,574	246.46%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(10,447,295,169)	1,864,188,597	117.84%
Lợi nhuận khác	(12,666,533)	194,181,712	1633.03%
Lợi nhuận trước thuế	(10,459,961,702)	2,058,370,309	119.68%
Lợi nhuận sau thuế	(10,459,961,702)	3,473,600,320	133.21%

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	179.42	1.53	Lần
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	179.42	1.53	Lần
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.0050	0.627	Lần
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.0050	1.684	Lần
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3.81	4.92	%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(39.38)	3.78	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(1.51)	0.50	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(1.50)	0.19	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(254.21)	2.03	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2019:

STT	Cổ đông	Số vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH	735.000	100%

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn/ thành viên góp vốn trong nước:

STT	Cổ Đông	Số vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1	Tổ chức	0	0%
2	Cá nhân	0	0%

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông góp vốn/ thành viên góp vốn nước ngoài:

STT	Cổ Đông	Số vốn góp (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH	735.000	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- ❖ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Nhà nước đã ban hành Luật bảo vệ môi trường cùng những quy định, thủ tục đi kèm để bảo vệ và cải tạo môi trường nhằm tránh những tác động, hậu quả xấu có thể xảy ra trong tương lai. Mỗi doanh nghiệp cần nhận thức được bảo vệ môi trường là bảo vệ cho cuộc sống, sức khỏe của hiện tại và tương lai. Nhận thức được tầm quan trọng đó, công ty luôn tích cực tham gia các

hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, tham gia xây các hoạt động từ thiện nhằm chung tay góp sức xây dựng cộng đồng xanh, tươi đẹp trong tương lai.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

❖ Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tính đến ngày 31/12/2019, Số lượng cán bộ nhân viên toàn Công ty là 49 người. Mức lương trung bình đối với người lao động khoảng 15,000,000/ tháng/ người.

- Người lao động làm việc tại NHSV được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật: Luật Bảo hiểm y tế, chế độ thai sản, chế độ nuôi con nhỏ, chế độ lao động nữ, chế độ nghỉ lễ tết, chế độ phép... và các quy định của nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động.

- Hoạt động đào tạo người lao động: Bất kỳ nhân viên mới nào cũng trải qua khóa đào tạo hội nhập bao gồm: Giới thiệu tổng quan về công ty, văn hóa công ty, sơ đồ tổ chức, thăm quan công ty, hướng dẫn phương tiện và điều kiện làm việc, lập bảng mô tả công việc cho nhân viên mới, giao nhiệm vụ cho nhân viên mới và hướng dẫn nội dung liên quan đến các công việc được giao...

- Người lao động luôn có cơ hội được bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý theo năng lực cá nhân. Công ty khuyến khích và tài trợ kinh phí cho cán bộ công nhân viên học tập nâng cao nghiệp vụ, tay nghề trong và ngoài nước.

- ✓ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 2,304 giờ/ nhân viên.

- ✓ Phân loại nhân viên: Cấp quản lý, cấp chuyên viên, nhân viên, cấp học việc.

- ✓ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động phát triển sự nghiệp. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo của công ty, căn cứ định hướng phát triển và quy hoạch cán bộ, Phòng Tổ chức nhân sự cùng với các bộ phận chuyên môn xác định nhu cầu đào tạo trong năm. Đối với các bộ phận có nhu cầu đào tạo nhân viên đột xuất, Trưởng bộ phận làm đề nghị trình Tổng giám đốc xem xét phê duyệt. Sau khi kế hoạch đào tạo đã được Tổng giám đốc phê duyệt, Phòng Tổ chức nhân sự phối hợp với các bộ phận xác định các chương trình đào tạo để phát triển kỹ năng cho người lao động, cụ thể:

- ✓ Lên lịch đào tạo;

- ✓ Thời gian, địa điểm đào tạo;

- ✓ Danh sách người tham gia đào tạo;

- ✓ Nội dung đào tạo;
 - ✓ Kinh phí tham gia đào tạo;
 - ✓ Kết quả đào tạo.
- Công ty thường xuyên khuyến khích và yêu cầu nhân viên củng cố các kiến thức đã học được, cách thức thực hiện công việc ngay trong quá trình làm việc.
 - Ngoài ra công ty còn có chương trình hướng dẫn tại chỗ: Đây là hình thức phổ biến nhất, thường được áp dụng để đào tạo nhân viên vận hành nghiệp vụ, các chuyên viên, hoặc đào tạo các trợ lý, các cấp quản lý thành các quản trị gia cấp cao.
- ❖ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đứng trước thách thức phải phát triển bền vững và tạo ra tác động tổng thể tích cực đến cộng đồng địa phương, công ty luôn có các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác:

- Công ty cam kết hoạt động vì sự phát triển của cộng đồng.
- Công ty tích cực tham gia hoạt động từ thiện; ủng hộ các phong trào địa phương, kêu gọi và khuyến khích nhân viên tham gia vào các công tác xã hội và các hoạt động từ thiện, dành thời gian và kinh nghiệm để hỗ trợ miễn phí cho các tổ chức xã hội vì cộng đồng và các tổ chức tình nguyện; hợp tác với các tổ chức từ thiện và tạo ra mối quan hệ hợp tác lâu dài phù hợp với các giá trị kinh doanh.

❖ Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCK: Công ty trong năm qua không tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.14	92,013,977,574	26,558,290,579
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		92,013,977,574	26,558,290,579
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	57,865,226,334	8,184,693,131
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		34,148,751,240	18,373,597,448
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16	32,284,562,643	28,820,892,617

7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,864,188,597	(10,447,295,169)
8. Thu nhập khác	31	VI.17	1,327,443,604	88,228,735
9. Chi phí khác	32	VI.18	1,133,261,892	100,895,268
10. Lợi nhuận khác	40		194,181,712	(12,666,533)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,058,370,309	(10,459,961,702)
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.19	-	-
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		(1,415,230,011)	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,473,600,320	(10,459,961,702)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

❖ Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Mười năm có mặt trên thị trường, NHSV (Tiền thân CTCP chứng khoán Biển Việt) đã tích lũy được nhiều giá trị cần thiết để gây dựng một nền tảng hoạt động vững vàng. Từ số vốn điều lệ 25 tỷ đồng ngày đầu đều đặn qua các năm, năng lực tài chính của NHSV đã được nâng cao với quy mô 735 tỷ đồng. Xuyên suốt quá trình hoạt động chiến lược hoạt động của công ty được xác định rõ: tạo những bước đi khác biệt trong cung cấp sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt trên thị trường.

- Thay vì cạnh tranh quyết liệt về phí dịch vụ, cung cấp các đòn bẩy tài chính hấp dẫn để nắm thị phần nhưng nhiều rủi ro. NHSV từng bước thiết lập vị trí của mình bằng các sản phẩm chuyên sâu và riêng có. Ngay từ năm 2007, NHSV đã giới thiệu và cung cấp Bộ chỉ số Vietnam Securities Indexes (VSI), Vietnam Finance Indexes (VFI) trên thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới nhằm phục vụ nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước. VSI là bộ chỉ số đầu tiên bao gồm tất cả các cổ phiếu niêm yết trên hai Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội. là bộ chỉ số Việt Nam đầu tiên được Bloomberg tài trợ và giới thiệu tới các tổ chức tài chính toàn cầu. VFI là bộ chỉ số tài chính đa dạng nhất và lớn nhất Việt Nam hiện nay với hơn 450 loại chỉ số cổ phiếu, 50 loại chỉ số trái phiếu, 30 loại chỉ số quỹ và hơn 50 các loại chỉ số khác. Bộ chỉ số này đã đánh dấu một thế mạnh nổi bật của NHSV.

- Các quy trình nghiệp vụ được cải tiến hoàn thiện hơn, giúp chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao và giúp Công ty kiểm soát được rủi ro.

- Cơ sở hạ tầng và phần mềm dịch vụ được nâng cấp liên tục: dịch vụ tại sàn qua điện thoại, trực tuyến..... Công ty đang sử dụng phần mềm kinh doanh chứng khoán được nhập khẩu từ Hàn Quốc với giá trị rất lớn (theo đánh giá của 1 thành viên HĐQT Sở giao dịch chứng khoán Hàn Quốc, đây là một trong những phần mềm kinh doanh chứng khoán hàng đầu Châu Á), đảm



bảo phục vụ tốt nhất các hoạt động của nhà đầu tư, tạo ra được các tiện ích cho nhà đầu tư đồng thời giảm thiểu đáng kể các sai sót do con người.

- Xây dựng được văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định ngành.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả thể hiện qua báo cáo tình hình tài chính tại 31/12/2019 của công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,801,883,800,183	623,859,572,340
I. Tài sản tài chính	110		1,800,811,136,899	622,998,619,239
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7.1	12,232,372,910	889,176,035
1.1. Tiền	111.1		12,232,372,910	889,176,035
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản TC ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	112	7.3.2	814,445,640	862,679,340
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.3.2	1,462,500,000,000	598,000,000,000
4. Các khoản cho vay	114	7.3.4	274,099,563,772	29,623,382
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7.3.2	-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và TS thế chấp	116	7.3.5	-	-
7. Các khoản phải thu	117	7.5.2	58,232,066,147	22,410,378,081
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		58,232,066,147	22,410,378,081
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền	117.3.1		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
lãi đến ngày nhận được				
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		58,232,066,147	22,410,378,081
8. Trả trước cho người bán	118	7.5.8	1,575,000	461,340,060
9. Phải thu các dịch vụ công ty CK cung cấp	119	7.5.5	13,485	4,054,570,636
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122	7.5.7	7,250,000	357,631,115
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.6	(7,076,150,055)	(4,066,779,410)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1,072,663,284	860,953,101
1. Tạm ứng	131		-	16,514,075
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		4,351,600	1,534,000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.8.a	679,234,659	381,140,633
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		389,077,025	367,534,712
6. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	136	7.30.b	-	12,581,086
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	81,648,595
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70,198,987,410	73,513,435,763

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4	7.3.2b	-	-
II. Tài sản cố định	220		63,370,042,618	59,992,869,671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.10	12,615,514,492	14,653,629,412
- Nguyên giá	222		18.012.798.274	18,012,798,274
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223a		(5,397,283,782)	(3,359,168,862)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226a		-	-
- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.11	50,754,528,126	45,339,240,259
- Nguyên giá	228		69,234,079,214	58,962,594,214
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229a		(18,479,551,088)	(13,623,353,955)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232a		-	-
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	8,788,524,363
V. Tài sản dài hạn khác	250		6,828,944,792	4,732,041,729
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1,405,442,350	838,845,571
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.8.b	3,020,994,906	2,905,918,633
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		1,415,230,011	-
4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	7.9	987.277.525	987,277,525
5. Tài sản dài hạn khác	255		-	-
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,872,082,787,593	697,373,008,103
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,174,713,268,404	3,477,089,231
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		1,174,713,268,404	3,477,089,231
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		1,162,896,000,000	-
1.1. Vay ngắn hạn	312		1,162,896,000,000	-
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn	313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ	315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	7.28	-	3,478,691
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.34	858,276,685	1,271,308,058
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	615,093
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.30a	2,773,804,263	902,727,062
11. Phải trả người lao động	323		1,578,176,194	-
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		6,607,011,262	134,342,513
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	7.38	-	1,164,617,814
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	-
1.1. Vay dài hạn	342		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn	343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ	345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		697,369,519,189	693,895,918,872
I. Vốn chủ sở hữu	410		697,369,519,189	693,895,918,872
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	7.43	735.000.000.000	735,000,000,000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		735.000.000.000	735,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		735.000.000.000	735,000,000,000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu -	411.3		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Cấu phần				
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5. Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		113.649.448	113,649,448
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		113.649.448	113,649,448
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.44	(37,857,779,707)	(41,331,380,024)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(37,780,363,472)	(41,302,197,489)
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(77,416,235)	(29,182,535)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CSH	440		1,872,082,787,593	697,373,008,103

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thực hiện việc ứng dụng triệt để Công nghệ thông tin trong các hoạt động của Công ty.
- Bổ sung, cơ cấu lại hệ thống nhân sự trong Công ty.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định, quy trình nội bộ.
- Tăng cường công tác quản lý và sự phối hợp giữa các bộ phận, phòng ban trong Công ty.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh, nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân viên làm việc trong Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Ngắn hạn: Tiếp tục nâng cấp hạ tầng cơ sở công nghệ, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá sản phẩm, tiếp tục củng cố và phát triển thương hiệu để tăng thị phần và doanh thu, tiến tới chiếm lĩnh vị trí dẫn đầu ngành.

- Trung và dài hạn: Tăng vốn điều lệ công ty, cải thiện nguồn vốn kinh doanh nhằm mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính chất lượng hàng đầu với phong cách chuyên nghiệp và tận tâm, liên tục cải tiến trên mọi phương diện để đưa công ty dẫn đầu thị trường với định hướng toàn cầu.

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Ý kiến kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2019: Chấp nhận toàn phần.

IV. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán TTP.
- Ý kiến kiểm toán độc lập: (Tài liệu đính kèm trang 5-6).

2. Báo cáo kiểm toán

- Bảng cân đối kế toán (Tài liệu đính kèm trang 7-10).
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Tài liệu đính kèm trang 11-12).
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Tài liệu đính kèm trang 13-15).
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Tài liệu đính kèm trang 16).
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Tài Liệu đính kèm trang 17-56).

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

LEE JIN HWAN

